



TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP GDQP 2 (2)(có đáp án)

Quốc phòng 2 (Đại học Tôn Đức Thắng)



Scan to open on Studocu

TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CUỐI KỲ GDQP 2

Bài 5. PHÒNG, CHỐNG CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

Câu 1. Bộ Luật hình sự hiện hành của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là:

- A. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2016
- B. **Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017**
- C. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2018
- D. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019

Câu 2. Bộ Luật Hình sự quy định về:

- A. Nhà nước và tội phạm
- B. Cơ quan chức năng và tội phạm
- C. Pháp luật hình sự và tội phạm
- D. **Tội phạm và hình phạt**

Câu 3. Bộ Luật hình sự bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến:

- A. **Nhà nước và người phạm tội**
- B. Nhà nước, Viện kiểm sát và người phạm tội
- C. Nhà nước, Tòa án và người phạm tội
- D. Nhà nước, Công an và người phạm tội

Câu 4. Nội dung nào thể hiện **vai trò** của Bộ Luật hình sự

- A. Bảo vệ các quan hệ xã hội liên quan đến Nhà nước và người phạm tội
- B. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân
- C. **Bảo vệ các quan hệ xã hội được các luật khác thiết lập**
- D. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật

Câu 5. Nội dung nào thể hiện nhiệm vụ của Bộ Luật hình sự:

- A. Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định tội phạm và hình phạt
- B. **Giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật và phòng, chống tội phạm**
- C. Bảo vệ các quan hệ xã hội được các luật khác thiết lập
- D. Công cụ sắc bén, để đấu tranh phòng, chống tội phạm

Câu 6. “*Bộ Luật hình sự là công cụ sắc bén, hữu hiệu để đấu tranh phòng, chống tội phạm*” là:

- A. Đặc điểm của BLHS
- B. Đặc trưng của BLHS
- C. **Vai trò của BLHS**
- D. Nhiệm vụ của BLHS

Câu 7. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người được quy định trong:

- A. **Chương XIV - Bộ Luật hình sự hiện hành**
- B. Chương XV - Bộ Luật hình sự hiện hành
- C. Chương XVI - Bộ Luật hình sự hiện hành
- D. Chương XVII - Bộ Luật hình sự hiện hành

Câu 8. Nhân phẩm, danh dự của con người là những yếu tố về tinh thần, bao gồm:

- A. Những yếu tố gắn liền với quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ
- B. Tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân
- C. **Phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm yêu mến của những người xung quanh, của xã hội đối với người đó**
- D. Dư luận xã hội, giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp của xã hội giành cho người đó

Câu 9. Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ về NP, DD người khác
- B. **Làm cho người đó bị xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ**
- C. Xâm phạm về nhân phẩm, danh dự được pháp luật bảo vệ
- D. Hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS năm 2017

Câu 10. “Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội” là:

- A. Nội dung của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự
- B. Tính chất của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự
- C. Khái niệm của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự
- D. **Đặc điểm của tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự**

Câu 11. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định trong:

- A. **Bộ Luật hình sự**
- B. Bộ Luật tố tụng hình sự
- C. Bộ Luật dân sự
- D. Bộ Luật tố tụng dân sự

Câu 12. “Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện” là.

- A. Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên
- B. **Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên**
- C. Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 18 tuổi trở lên
- D. Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 20 tuổi trở lên

Câu 13. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện là:

- A. Tính chất
- B. Đặc trưng
- C. Nhiệm vụ
- D. **Đặc điểm**

Câu 14. Người nào xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác phải chịu:

- A. Trách nhiệm tổ tụng hình sự
- B. **Trách nhiệm hình sự**
- C. Trách nhiệm tổ tụng dân sự
- D. Trách nhiệm dân sự

Câu 15. Khách quan của tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. **Cách xử sự nguy hiểm của chủ thể**
- B. Lỗi của hành vi nguy hiểm
- C. Tác hại của hành vi nguy hiểm
- D. Hậu quả của hành vi nguy hiểm

Câu 16. Chủ quan của tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Lỗi
- B. Mục đích
- C. Động cơ
- D. **Lỗi, động cơ, mục đích của người phạm tội**

Câu 17. Tội xâm phạm tình dục là:

- A. Hành động xâm phạm thể xác của người khác để thỏa mãn nhu cầu sinh lý
- B. Hành động dùng vũ lực để ép buộc người khác quan hệ tình dục
- C. **Hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự**
- D. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý

Câu 18. Bộ Luật hình sự hiện hành quy định về tội hiếp dâm là:

- A. **Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để thực hiện hành vi quan hệ tình dục**
- B. Dụ dỗ, lường gạt người khác thực hiện hành vi quan hệ tình dục
- C. Ép buộc nạn nhân quan hệ tình dục ngoài ý muốn,
- D. Thực hiện hành vi giao cấu nhưng không được nạn nhân cho phép

Câu 19. Bộ Luật hình sự quy định về tội hiếp dâm với mức án cao nhất là:

- A. Tử hình
- B. **Chung thân**
- C. 20 năm
- D. 15 năm

Câu 20. Phạm tội hiếp dâm trong các trường hợp nào sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- A. Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe 61% trở lên
- B. **Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe cơ thể từ 31% đến 60%**
- C. Dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để thực hiện hành vi quan hệ tình dục.
- D. Phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi

Câu 21. Phạm tội hiếp dâm trong các trường hợp nào sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- A. Nhiều người hiếp một người
- B. Có tính chất loạn luân
- C. **Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội**
- D. Làm nạn nhân có thai

Câu 22. Phạm tội mua bán người trong các trường hợp nào sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- A. **Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác**
- B. Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe cơ thể dưới 31%
- C. Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe cơ thể từ 31% đến 60%
- D. Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe cơ thể 61% trở lên

Câu 23. Phạm tội mua bán người trong các trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm

- A. Có tính chất chuyên nghiệp
- B. **Vì động cơ dâm dục**
- C. Làm nạn nhân chết hoặc tự sát
- D. Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân

Câu 24. Phạm tội mua bán người trong các trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm

- A. Có tổ chức
- B. Phạm tội 02 lần trở lên
- C. Vì động cơ dâm dục
- D. **Có tính chất chuyên nghiệp**

Câu 25. Phạm tội mua bán người có thể bị phạt tiền:

- A. Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng
- B. Từ 20.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng
- C. Từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng
- D. Từ 20.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng

Câu 26. Tội làm nhục người khác là:

- A. Lãng mạ, sỉ nhục, chửi bới... làm họ bị xúc phạm về nhân phẩm, danh dự
- B. Có hành vi làm cho người khác bị mất nhân phẩm, danh dự trước tập thể
- C. Hành vi xúc phạm về thể xác ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của họ trước tập thể
- D. Hành vi xâm phạm đến quyền được bảo hộ về NP, DD của người khác

Câu 27. Phạm tội làm nhục người khác, có thể bị phạt tiền:

- A. Từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng
- B. Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng
- C. Từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng
- D. Từ 10.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng

Câu 28. Phạm tội làm nhục người khác trong các trường hợp nào sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm

- A. Gây rối loạn tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên
- B. Gây rối loạn tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%
- C. Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình
- D. Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội

Câu 29. Tội lây truyền HIV cho người khác là:

- A. Không biết mình bị nhiễm HIV mà vô ý lây truyền HIV cho người khác
- B. Biết mình nhiễm HIV nhưng vô ý lây truyền HIV cho người khác
- C. Biết mình bị nhiễm HIV nhưng cố ý mang bầu và sinh con (đối với phụ nữ)
- D. Biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người khác

Câu 30. Người phạm tội có ý lây truyền HIV cho người khác có thể bị phạt tù:

- A. 03 năm đến 05 năm
- B. **Từ 01 năm đến 03 năm**
- C. Từ 05 năm đến 09 năm
- D. Từ 09 năm đến 12 năm

Câu 31. Nội dung nào thể hiện biện pháp kinh tế-xã hội phòng, chống các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

- A. Quan tâm và có chiến lược giáo dục con cháu hiệu quả
- B. Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền
- C. Tăng cường các biện pháp liên quan đến phát hiện và xử lý
- D. **Huy động các nguồn lực xã hội để đẩy mạnh đầu tư**

Câu 32. “*Tăng cường mở các lớp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động ở các địa phương*” là biện pháp:

- A. Văn hóa - giáo dục
- B. **Kinh tế - xã hội**
- C. Giáo dục của gia đình, nhà nước và xã hội
- D. Quản lý nhà nước về ANTT xã hội ở các địa phương

Câu 33. “*Gắn giáo dục kiến thức văn hoá với giáo dục kỹ năng sống*” để phụ nữ và trẻ em:

- A. Tham gia công tác phòng, chống tội phạm
- B. Tránh xa những đối tượng có tiền án, tiền sự
- C. **Tự bảo vệ mình trước các nguy cơ bị xâm hại**
- D. Nâng cao nhận thức về thái độ và trách nhiệm

Câu 34. “*Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trong cộng đồng dân cư*” là nội dung của biện pháp:

- A. **Văn hóa - giáo dục**
- B. Kinh tế - xã hội
- C. Giáo dục của gia đình
- D. Giáo dục của Nhà nước và xã hội

Câu 35. Biện pháp văn hóa - giáo dục được xác định là biện pháp:

- A. Quan trọng, hàng đầu
- B. Thường xuyên, liên tục
- C. Cơ bản, lâu dài
- D. Bao trùm, cấp thiết

Câu 36. “*Chú trọng giáo dục đạo đức lẫn kiến thức; lồng ghép nội dung giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản cho học sinh*” là trách nhiệm chính của:

- A. Gia đình
- B. Xã hội
- C. Đoàn thể
- D. Nhà trường

Câu 37. “*Thường xuyên tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân trong đấu tranh, phòng, chống tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người*” là trách nhiệm của:

- A. Cơ quan chức năng
- B. Quần chúng nhân dân
- C. Đoàn thể ở địa phương
- D. Cấp ủy Đảng và chính quyền

Câu 38. “*Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể phòng, chống các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương*” là một trong những nội dung của:

- A. Quan điểm phòng, chống
- B. Phương hướng phòng, chống
- C. Nhiệm vụ phòng, chống
- D. Biện pháp phòng, chống

Câu 39. “*Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về tội phạm và tệ nạn xã hội, không để hình thành địa bàn phức tạp*” là nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan chức năng:

- A. Công an - Tòa án - Gia đình
- B. Công an - Viện Kiểm sát - Nhà trường
- C. Viện Kiểm sát – Tòa án - Đoàn thể
- D. Công an - Viện Kiểm sát - Tòa án

Câu 40. “Tự giác chấp hành các quy định về phòng, chống các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở nhà trường và địa phương nơi cư trú” là:

- A. Phương hướng, nhiệm vụ của sinh viên
- B. Mục đích, yêu cầu của sinh viên
- C. Thái độ, nghĩa vụ của sinh viên
- D. **Vai trò, trách nhiệm của sinh viên**

Câu 41. **Danh dự, nhân phẩm của con người bao gồm:**

- A. **Phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm yêu mến của những người xung quanh, của xã hội đối với người đó**
- B. Phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, sự ngưỡng mộ của những người xung quanh, của xã hội đối với người đó
- C. Sự tôn trọng, sùng bái, tín nhiệm của những người xung quanh, của xã hội đối với người đó
- D. Phẩm giá, sùng bái, tín nhiệm của những người xung quanh, của xã hội đối với người đó

Câu 42. **Danh dự của con người được xác nhận dựa trên:**

- A. Giá trị vật chất và uy tín xã hội
- B. **Giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp**
- C. Sự sùng bái của đám đông
- D. Giá trị tinh thần và giá trị vật chất

Câu 43. **Nhân phẩm là phẩm chất, giá trị của một con người được:**

- A. Cộng đồng bảo vệ
- B. Tôn giáo bảo vệ
- C. Quần chúng nhân dân bảo vệ
- D. **Pháp luật bảo vệ**

Câu 44. Hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người là làm cho người đó bị

- A. Tổn thương về vật chất và tinh thần
- B. Xúc phạm, tổn thương về vật chất
- C. Mất cơ hội thăng tiến trong xã hội
- D. **Xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ với người xung quanh**

Câu 45. Đối tượng tác động của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm là

- A. **Con người cụ thể**
- B. Uy tín trong xã hội
- C. Địa vị trong xã hội
- D. Cơ hội thăng tiến

Câu 46. Mặt khách quan của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người thể hiện ở

- A. Những hành vi gây ảnh hưởng tới tinh thần xâm phạm trực tiếp tới danh dự, nhân phẩm của con người
- B. **Những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp tới danh dự, nhân phẩm của con người**
- C. Những hành vi gây tổn hại vật chất xâm phạm trực tiếp tới danh dự, nhân phẩm của con người
- D. Những hành vi đi ngược lại chuẩn mực đạo đức xâm phạm trực tiếp tới danh dự, nhân phẩm của con người

Câu 47. Đối tượng xâm hại danh dự, nhân phẩm sử dụng những công cụ, phương tiện khác nhau để gây ra

- A. Thiệt hại về vật chất cho người khác
- B. Thiệt hại về tinh thần cho người khác
- C. Thiệt hại về tính mạng và tài sản cho người khác
- D. **Thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho người khác**

Câu 48. Chủ thể của tội xâm hại danh dự, nhân phẩm là

- A. Những người có tiền án, tiền sự
- B. Những người nằm trong khung độ tuổi quy định
- C. Những thành phần vô gia cư
- D. Những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định

Câu 49. Một trong những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội xúc phạm danh dự, nhân phẩm là

- A. Sự bất đồng quan điểm cá nhân
- B. Sự tác động của chênh lệch giàu nghèo
- C. Làm mất cơ hội thăng tiến của người khác
- D. Sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường

Câu 50. Một trong những yếu tố hình thành nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội xúc phạm danh dự, nhân phẩm

- A. Bất bình đẳng giới
- B. Tệ nạn xã hội phát triển
- C. Giá trị vật chất lên ngôi
- D. Phân hóa giàu nghèo

Câu 51. Một trong những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội xúc phạm danh dự, nhân phẩm là

- A. Hủ tục lạc hậu
- B. Kinh tế chậm phát triển
- C. Dân trí thấp
- D. Tàn dư của những hiện tượng tiêu cực do chế độ cũ để lại

Câu 52. Một trong những tàn dư chế độ cũ để lại làm nảy sinh các hiện tượng tiêu cực trong đó có tội phạm là

- A. Tệ nạn Cờ bạc
- B. Tệ nạn Mê tín dị đoan
- C. Tệ nạn Ma túy
- D. Tư tưởng trọng nam khinh nữ

Câu 53. Mục đích của phòng, ngừa tội phạm là

- A. Khắc phục những hạn chế do chế độ cũ để lại
- B. Khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội
- C. Nâng cao chất lượng đời sống cho người dân
- D. Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Câu 54. Mục đích của phòng, ngừa tội phạm là

- A. Nâng cao chất lượng đời sống cho người dân
- B. Khắc phục những hạn chế do chế độ cũ để lại
- C. Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội
- D. Ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống cộng đồng

Câu 55. Phòng ngừa tội phạm là thể hiện

- A. Nguyên tắc hoạt động trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm
- B. Biện pháp chính trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm
- C. Tinh thần chỉ đạo trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm
- D. Tư tưởng chỉ đạo trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm

Câu 56. Làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm mang ý nghĩa

- A. Giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
- B. Nâng cao chất lượng đời sống một bộ phận người dân
- C. Xóa bỏ hủ tục lạc hậu
- D. Góp phần phát triển kinh tế- xã hội ở một số khu vực

Câu 57. Khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội là

- A. Mang tính vĩ mô
- B. Mang tính chiến lược
- C. Mang tính cơ bản
- D. Hướng mang tính cơ bản, chiến lược và lâu dài

Câu 58. Đây là hướng ưu tiên hàng đầu trong phòng chống tội xâm hại danh dự, nhân phẩm

- A. Đẩy mạnh công tác giáo dục tuyên truyền
- B. Hạn chế mức thấp nhất hậu quả xảy ra
- C. Tăng khung hình phạt dành cho đối tượng phạm tội
- D. **Khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội**

Câu 59. Đây là hướng quan trọng trong phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

- A. Tăng khung hình phạt dành cho đối tượng phạm tội
- B. Đẩy mạnh công tác giáo dục tuyên truyền
- C. Khắc phục nguyên nhân điều kiện của tình trạng phạm tội
- D. **Hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi tội phạm gây ra**

Câu 60. Trong phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm cơ quan nào giữ vai trò ban hành, điều chỉnh các luật, văn bản pháp lý có liên quan

- A. Bộ công an
- B. Chính phủ, ủy ban nhân dân các cấp
- C. Tòa án nhân dân
- D. **Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp**

Câu 61. Trong phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm cơ quan nào giữ vai trò quản lý, điều hành, bảo đảm điều kiện cần thiết

- A. Bộ công an
- B. Bộ tài chính
- C. Quốc hội, hội đồng Nhân dân các cấp
- D. **Chính phủ , ủy ban nhân dân các cấp**

Câu 62. Trong phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm các cơ quan nào giữ vai trò nghiên cứu , phân tích tình trạng phạm tội, xác định nguyên nhân, điều kiện của tội phạm

- A. Bộ tư pháp, viện kiểm sát nhân dân, quân đội
- B. Công an, quân đội, mặt trận tổ quốc
- C. Công an, bộ tài chính, bộ tư pháp
- D. **Công an, viện kiểm sát, tòa án**

Câu 63. Công dân với tư cách

- A. Khách thể trong phòng chống tội phạm
- B. **Chủ thể trong phòng chống tội phạm**
- C. Điều tra trong phòng chống tội phạm
- D. Xét xử trong phòng chống tội phạm

Câu 64. Một trong những nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

- A. Nguyên tắc khoa học
- B. Nguyên tắc dân chủ
- C. Nguyên tắc cộng sinh
- D. **Nguyên tắc pháp chế**

Câu 65. Một trong những nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

- A. Nguyên tắc dân chủ
- B. **Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa**
- C. Nguyên tắc khoa học
- D. Nguyên tắc cộng sinh

Câu 66. Một trong những nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

- A. Nguyên tắc dân chủ
- B. Nguyên tắc khoa học và sự tiến bộ
- C. Nguyên tắc pháp lý
- D. Nguyên tắc khoa học và tiến bộ trong phòng ngừa

Câu 67. Một trong những nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

- A. Nguyên tắc khoa học
- B. Nguyên tắc dân chủ
- C. Nguyên tắc cộng sinh
- D. Nguyên tắc nhân đạo trong phòng ngừa

Câu 68. Một trong những nguyên tắc tổ chức, hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

- A. Nguyên tắc cụ thể hóa trong phòng ngừa tội phạm
- B. Nguyên tắc nhân đạo
- C. Nguyên tắc dân chủ
- D. Nguyên tắc khoa học

Câu 69. Trong nguyên tắc pháp chế phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm nhấn mạnh. Mọi hoạt động phòng ngừa tội phạm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, các công dân phải

- A. Phù hợp luật pháp quốc tế
- B. Phù hợp với trình độ dân trí
- C. Phù hợp văn hóa địa phương
- D. Hợp hiến, hợp pháp

Bài 6. AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Câu 1. Luật An toàn thông tin mạng gồm bao nhiêu chương, điều?

- A. **08 chương, 54 điều**
- B. 08 chương, 45 điều
- C. 07 chương, 54 điều
- D. 07 chương, 45 điều

Câu 2. Luật An ninh mạng gồm bao nhiêu chương, điều?

- A. 07 chương, 34 điều
- B. **07 chương, 43 điều**
- C. 08 chương, 34 điều
- D. 08 chương, 43 điều

Câu 3. Các đối tượng sử dụng không gian mạng để đăng thông tin độc hại nhằm mục đích

- A. Tạo uy tín cho một vài cá nhân
- B. Ngăn chặn, làm giảm tội phạm
- C. **Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội**
- D. Kích thích kinh tế phát triển

Câu 4. Luật An toàn thông tin mạng Có hiệu lực thi hành từ:

- A. Ngày 07 tháng 01 năm 2016
- B. **Ngày 01 tháng 07 năm 2016**
- C. Ngày 01 tháng 07 năm 2015
- D. Ngày 07 tháng 01 năm 2015

Câu 5. Chủ thể thông tin cá nhân là:

- A. Người quản lý thông tin cá nhân đó
- B. Người được thu thập thông tin cá nhân đó
- C. **Người được xác định từ thông tin cá nhân đó**
- D. Người được kiểm tra thông tin cá nhân đó

Câu 6. Các hành vi bị nghiêm cấm của luật an toàn thông tin mạng.

- A. **Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo**
- B. Phát tán thư rác, vi rút độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo
- C. Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, tuyên truyền các thông tin giả mạo, lừa đảo
- D. Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, đưa thông tin giả mạo, lừa đảo, xuyên tạc, tấn công mạng

Câu 7. Bảo vệ an ninh mạng là:

- A. Phòng ngừa, điều tra, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng
- B. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng
- C. Phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng
- D. Điều tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng

Câu 8. Không gian mạng quốc gia là:

- A. Không gian mạng do Chính phủ xây dựng, quản lý và kiểm soát
- B. Không gian mạng do Chính phủ quản lý và kiểm soát
- C. Không gian mạng do Chính phủ xác lập, quản lý và kiểm soát
- D. Không gian mạng do Chính phủ xác lập và kiểm soát

Câu 9. Khủng bố mạng là:

- A. Việc sử dụng tài khoản cá nhân để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố
- B. Việc sử dụng tài khoản tổ chức để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố
- C. Việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố
- D. Việc sử dụng tài liệu liên quan đến không gian mạng để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố

Câu 10. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- A. Tuyên truyền tư tưởng sống tự do, cực đoan; Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc
- B. Tuyên truyền tư tưởng sống tự do, cực đoan; Đòi tự do, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc
- C. Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; Đòi tự do, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc
- D. Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc

Câu 11. Thông tin trên không gian mạng có nội dung:” *Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc*”. Là nội dung vi phạm:

- A. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối TTCC
- B. **Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam**
- C. Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống
- D. Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

Câu 12. Thông tin trên không gian mạng có nội dung:” *Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước*”. Là nội dung vi phạm:

- A. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối TTCC
- B. **Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam**
- C. Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống
- D. Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

Câu 13. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng:

- A. Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước
- B. Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác
- C. **Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân**
- D. Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân.

Câu 14. Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống:

- A. **Xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác**
- B. Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân
- C. Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác
- D. Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc

Câu 15. Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:

- A. Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác
- B. Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác
- C. Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về ANTT
- D. Thông tin có nội dung vu khống về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá trị khác

Câu 16. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử khi nào?

- A. Ngày 02 tháng 03 năm 2020
- B. Ngày 03 tháng 02 năm 2019
- C. Ngày 03 tháng 02 năm 2020
- D. Ngày 02 tháng 03 năm 2019

Câu 17. Theo Điều 101 của Nghị định này, hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân sẽ bị phạt từ.

- A. 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng
- B. 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng
- C. 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng
- D. 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng

Câu 18. Phạt tiền đối với hành vi xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu cơ sở dữ liệu hoặc cản trở việc sử dụng cơ sở dữ liệu của chủ sở hữu khi thực hiện tái sản xuất, phân phối, quảng bá, truyền đưa, cung cấp nội dung hợp thành cơ sở dữ liệu:

- A. 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng
- B. 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng
- C. 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng
- D. 140.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng

Câu 19. Phạt tiền đối với hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin hoặc phá hoại thông tin trên môi trường mạng:

- A. 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng
- B. 140.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng
- C. 100.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng
- D. 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng

Câu 20. Phạt tiền đối hành vi bẻ khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khóa mật mã và thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng

- A. 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng
- B. 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng
- C. 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng
- D. 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng

Câu 21. Các đối tượng sử dụng không gian mạng để đăng thông tin độc hại nhằm mục đích

- A. Ghi nhận lịch sử, truyền bá tư tưởng
- B. Tạo uy tín cho một vài cá nhân
- C. Gây hoang mang trong nhân dân
- D. Tăng thêm tính đoàn kết cộng đồng

Câu 22. Phạt tiền đối hành vi Thu thập thông tin cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó; Cung cấp thông tin cá nhân cho bên thứ ba khi chủ thể thông tin cá nhân đã yêu cầu ngừng cung cấp:

- A. 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng
- B. 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng
- C. 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng
- D. 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng

Câu 23. Phạt tiền đối với hành vi Sử dụng không đúng mục đích thông tin cá nhân đã thỏa thuận khi thu thập hoặc khi chưa có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân; Cung cấp hoặc chia sẻ hoặc phát tán thông tin cá nhân đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân; Thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin cá nhân của người khác

- A. 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng
- B. 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng
- C. 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng
- D. **20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng**

Câu 24. Ngăn chặn, yêu cầu tạm ngừng, ngừng cung cấp thông tin mạng; đình chỉ, tạm đình chỉ các hoạt động thiết lập, cung cấp và sử dụng mạng viễn thông, mạng Internet, sản xuất và sử dụng thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến theo quy định của pháp luật là nội dung:

- A. Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng
- B. Hình thức bảo vệ an ninh mạng
- C. **Biện pháp bảo vệ an ninh mạng**
- D. Yêu cầu bảo vệ an ninh mạng

Câu 25. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng là nội dung:

- A. **Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng**
- B. Đặc điểm bảo vệ an ninh mạng
- C. Yêu cầu bảo vệ an ninh mạng
- D. Biện pháp bảo vệ an ninh mạng

Câu 26. Kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng là nội dung:

- A. Biện pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng
- B. **Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng**
- C. Nguyên tắc của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng
- D. Yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

Câu 27. Các đối tượng sử dụng không gian mạng để đăng thông tin độc hại nhằm mục đích

- A. Ngăn chặn, làm giảm tội phạm
- B. Bảo tồn lưu giữ giá trị văn hóa
- C. Tăng thêm tính đoàn kết cộng đồng
- D. **Tuyên truyền tệ nạn xã hội**

Câu 28. An toàn thông tin là

- A. An toàn kỹ thuật cho phần mềm thông tin theo tiêu chuẩn kỹ thuật
- B. An toàn thông tin cho phần cứng theo tiêu chuẩn kỹ thuật
- C. **An toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin**
- D. An toàn cho hệ thống máy móc, trang thiết bị

Câu 29. An toàn thông tin mạng là

- A. Bảo vệ hệ thống thông tin
- B. **Sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin mạng**
- C. Bảo vệ nội dung truyền tin
- D. Bảo vệ phương tiện truyền tin

Câu 30. An toàn thông tin mạng nhằm

- A. Chống việc thông tin bị phá hoại, đánh cắp
- B. Chống truy nhập, truyền đi nội dung thông tin giả
- C. **Tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép thông tin**
- D. Đảm bảo thông tin thông suốt

Câu 31. Mục đích của an toàn thông tin mạng nhằm

- A. Đảm bảo tính bí mật của thông tin
- B. **Đảm bảo tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin**
- C. Đảm bảo tính thông suốt của thông tin
- D. Đảm bảo tính nguyên vẹn của thông tin

Câu 32. An ninh mạng là sự đảm bảo hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến

- A. Sự phát triển kinh tế xã hội
- B. Quyền tự do ngôn luận
- C. **An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**
- D. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Câu 33. An ninh mạng là sự đảm bảo hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến

- A. Sự phát triển kinh tế xã hội
- B. **Quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân**
- C. Quyền tự do ngôn luận
- D. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Câu 34. Tội phạm công nghệ cao gây tổn hại đến

- A. An ninh quốc gia
- B. Tính mạng và tài sản của tổ chức, cá nhân
- C. **Lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân**
- D. Lợi ích của các tổ chức chính trị, xã hội

Câu 35. Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì thông tin được xem là

- A. Một dạng tài sản của từng cá nhân
- B. **Một dạng tài nguyên**
- C. Một dạng tài sản nhà nước quản lý
- D. Không gian lưu trữ số liệu

Câu 36. Mục tiêu chủ yếu tin tức tấn công liên quan tới lĩnh vực

- A. An ninh
- B. **Tài chính**
- C. Quốc phòng
- D. Văn hoá

Câu 37. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin là nhiệm vụ mang tính

- A. Quan trọng hàng đầu trong tình hình hiện nay
- B. Có tính chất sống còn với đất nước ta
- C. Quan trọng và cấp bách trong tình hình hiện nay
- D. **Quan trọng và cấp thiết trong tình hình hiện nay**

Câu 38. Số liệu thống kê cho thấy tin tặc tấn công vào lĩnh vực tài chính chiếm

- A. 21%
- B. 37%
- C. 73%
- D. 12%

Câu 39. Số liệu thống kê cho thấy tin tặc tấn công vào lĩnh vực chính trị, tình báo chiếm

- A. 31%
- B. 21%
- C. 37%
- D. 73%

Câu 40. Theo số liệu thống kê từ năm 2012 -2013, số lần tin tặc tấn công vào cổng thông tin, trang điện tử của Việt Nam là

- A. 7000 lượt
- B. 8000 lượt
- C. 5000 lượt
- D. 6000 lượt

Câu 41. Năm 2018, thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam ước tính là

- A. 14.900 tỷ đồng
- B. 14.800 tỷ đồng
- C. 15.900 tỷ đồng
- D. 15.000 tỷ đồng

Câu 42. Một trong những yếu tố góp phần làm giảm các vụ tin tặc tấn công mạng trong thời gian qua là do

- A. Chế tài pháp luật đã tương đối đầy đủ
- B. Các quy định, chế tài pháp luật đã đầy đủ và có tính răn đe cao
- C. Chế tài pháp luật có tính răn đe cao
- D. Các quy định, chế tài pháp luật đã tương đối đầy đủ và có tính răn đe cao

Câu 43. Luật An ninh mạng của nước ta có hiệu lực từ khi nào

- A. 01/01/2018
- B. 01/01/2020
- C. 01/01/2019
- D. 01/01/2021

Câu 44. Tin giả là

- A. Những thông tin sai sự thật, mang tính tuyên truyền, được phát tán dưới vỏ bọc tin quảng cáo
- B. Những thông tin không chính xác, mang tính giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức
- C. Những thông tin sai sự thật, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức
- D. Những thông tin sai sự thật, mang tính giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức

Câu 45. Hiện nay các đối tượng tạo tin giả bằng cách sử dụng công nghệ để

- A. Giả lý lịch
- B. Chiếm đoạt tài sản
- C. Giả tiếng, giả hình, giả video
- D. Tạo dựng uy tín

Câu 46. Tin giả có thể được tạo ra và lan truyền nhằm mục đích

- A. Văn hoá
- B. Chính trị
- C. Thể thao
- D. Tôn giáo

Câu 47. Tin giả có thể được tạo ra và lan truyền nhằm mục đích

- A. Thương mại
- B. Văn hoá
- C. Thể thao
- D. Tôn giáo

Câu 48. Tin giả có thể gây ra tình trạng

- A. Tăng trưởng kinh tế
- B. Rối loạn xã hội
- C. Phòng chống dịch bệnh
- D. Xóa đói giảm nghèo

Câu 49. Mục đích sử dụng tin giả trong lĩnh vực thương mại nhằm

- A. Gây sự chú ý dư luận
- B. Tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các bên
- C. Chiếm lĩnh thị trường
- D. Gây tác động xấu đến đối thủ

Câu 50. Nghị định nào hiện nay quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến

- A. Nghị định 100
- B. Nghị định 184
- C. Nghị định 174
- D. Nghị định 15

Câu 51. Nghị định 15/2019/NĐ-CP quy định mức phạt tiền đối với hành vi gửi hoặc phát tán thư điện tử rác, tin nhắn rác, phần mềm độc hại là

- A. 85 triệu đồng
- B. 90 triệu đồng
- C. 80 triệu đồng
- D. 95 triệu đồng

Câu 52. Các đối tượng sử dụng không gian mạng để đăng thông tin độc hại nhằm mục đích

- A. Phát triển kinh tế xã hội
- B. Gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
- C. Bảo tồn lưu giữ giá trị văn hóa
- D. Tăng thêm tính đoàn kết cộng đồng

Câu 53. Các đối tượng sử dụng không gian mạng để đăng thông tin độc hại nhằm mục đích

- A. Ghi nhận lịch sử, truyền bá tư tưởng
- B. Bảo tồn lưu giữ giá trị văn hóa
- C. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành quả cách mạng
- D. Ngăn chặn, làm giảm tội phạm
- E.

Bài 7. AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

Câu 1. *An ninh truyền thống chính là:*

- A. **An ninh quốc gia**
- B. An ninh đất nước
- C. An ninh dân tộc
- D. An ninh lãnh thổ

Câu 2. *Nội dung cơ bản của an ninh quốc gia là bảo vệ:*

- A. Lợi ích của nhà nước
- B. Lợi ích của nhân dân
- C. Lợi ích của giai cấp
- D. **Lợi ích của quốc gia**

Câu 3. *Bảo vệ an ninh quốc gia là phải:*

- A. Loại bỏ những mối đe dọa đến lợi ích cơ bản của nhân dân
- B. Đấu tranh với tội phạm và đối tượng phá hoại trật tự xã hội
- C. Chặn đứng các hành động phá hoại, xâm phạm tài sản nhân dân
- D. **Loại trừ những mối uy hiếp đối với lợi ích cơ bản của quốc gia**

Câu 4. *Mục tiêu của an ninh quốc gia là:*

- A. Phòng ngừa sự chống phá của các loại tội phạm
- B. **Bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh quốc gia**
- C. Bảo vệ truyền thống đoàn kết trong nội bộ
- D. Phòng chống nạn tham nhũng, quan liêu

Câu 5. *An ninh quốc gia chính là:*

- A. Đất nước thoát khỏi chiến tranh
- B. Quốc gia có kỷ cương, kỷ luật
- C. Xã hội hoạt động trật tự, nền nếp
- D. **Sự ổn định, bình yên của đất nước**

Câu 6. *An ninh phi truyền thống có thể hiểu là một loại hình:*

- A. **An ninh xuyên quốc gia**
- B. An toàn xuyên quốc gia
- C. An ninh trong quốc gia
- D. An toàn trong hội nhập

Câu 7. *Giải quyết các nội dung về an ninh phi truyền thống phải là nhiệm vụ:*

- A. **Mang tính toàn cầu**
- B. Của từng quốc gia
- C. Mang tính thống nhất
- D. Của từng khu vực

Câu 8. *Gây ra những hệ lụy như: sản xuất đình trệ, thất nghiệp gia tăng, đứt gãy chuỗi cung ứng sản xuất và tiêu dùng, kinh tế suy thoái, kém phát triển, đời sống người dân gặp khó khăn... là những thách thức, đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực:*

- A. Xã hội
- B. **Kinh tế**
- C. Môi trường
- D. Sản xuất

Câu 9. *An ninh phi truyền thống xuất phát từ các yếu tố do tự nhiên gây ra như:*

- A. Biến đổi khí hậu, xung đột biên giới, hỏa hoạn
- B. Hạn hán, ô nhiễm môi trường, khủng hoảng kinh tế
- C. **Biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ, hạn hán, sóng thần**
- D. Khủng hoảng kinh tế, hạn hán, tội phạm, ma túy

Câu 10. *Toàn cầu hóa, các yếu tố an ninh phi truyền thống đe dọa đến sự giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc là thách thức đe dọa đối với lĩnh vực:*

- A. **Văn hóa xã hội**
- B. Văn hóa tư tưởng
- C. Văn hóa truyền thống
- D. Văn hóa dân tộc

Câu 11. *An ninh phi truyền thống do các yếu tố:*

- A. Phi kinh tế, phi chính trị gây ra
- B. **Phi chính trị, phi quân sự gây ra**
- C. Phi quân sự, phi ngoại giao gây ra
- D. Phi quân sự, phi văn hóa gây ra

Câu 12. *Đảng đã chỉ rõ “sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống” tại:*

- A. Nghị quyết Trung ương 8
- B. **Đại hội lần thứ XII**
- C. Đại hội lần thứ X
- D. Nghị quyết Trung ương 12

Câu 13. *Những thách thức, nguy cơ đối với an ninh truyền thống là:*

- A. Nguy cơ mất lòng tin của nhân dân đối với cách mạng
- B. Nguy cơ mất an ninh trật tự, mất ổn định trong xã hội
- C. **Nguy cơ xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia**
- D. Nguy cơ mất đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế

Câu 14. *Nguy cơ xâm phạm biên giới đất liền, biển đảo, vùng trời của Tổ quốc là một trong những thách thức, nguy cơ đối với:*

- A. Bất ổn xã hội
- B. **An ninh truyền thống**
- C. An toàn truyền thống
- D. Bất ổn quốc gia

Câu 15. *Nguy cơ, thách thức đối với an ninh truyền thống là:*

- A. Mất ổn định xã hội
- B. Mất đoàn kết nội bộ
- C. Khủng hoảng lòng tin với Đảng
- D. **Khủng hoảng kinh tế, xã hội**

Câu 16. *Trong phạm vi quốc gia, Đảng ta đã ra nghị quyết số 24/NQTU về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào năm:*

- A. 2016
- B. **2013**
- C. 2011
- D. 2014

Câu 17. *An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống đều nói về an ninh quốc gia, nhưng:*

- A. Nội hàm có cùng chung các yếu tố tạo thành
- B. Cơ bản hoàn toàn giống nhau về nội hàm
- C. Phạm vi nội hàm luôn quan hệ với nhau
- D. **Phạm vi nội hàm không hoàn toàn giống nhau**

Câu 18. *An ninh phi truyền thống xuất phát từ rất nhiều các yếu tố:*

- A. Do tự nhiên, do xã hội gây ra
- B. Do kinh tế, do xã hội gây ra
- C. **Do con người, do tự nhiên gây ra**
- D. Do con người, do văn hóa gây ra

Câu 19. *An ninh phi truyền thống xuất phát từ rất nhiều các yếu tố, trong đó cũng có yếu tố:*

- A. **Do cả con người và tự nhiên cùng gây ra**
- B. Do cả chính trị và kinh tế cùng gây ra
- C. Do cả kinh tế và xã hội cùng gây ra
- D. Do cả quân sự và đối ngoại gây ra

Câu 20. *An ninh phi truyền thống xuất phát từ các yếu tố do con người gây ra như:*

- A. Khủng hoảng chính trị, quân sự
- B. **Tội phạm, khủng bố, tham nhũng**
- C. Xung đột biên giới, lãnh thổ
- D. Biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán

Câu 21. *An ninh phi truyền thống xuất phát từ các yếu tố do con người và tự nhiên cùng gây ra như:*

- A. Lụt bão, hạn mặn, sóng thần
- B. Thiên tai, dịch họa
- C. **Dịch bệnh, ô nhiễm môi trường**
- D. Khủng hoảng tài chính

Câu 22. *Nội hàm của an ninh phi truyền thống rất rộng, rất đa dạng, giải quyết không phải một lần, một giai đoạn nhất định mà hết, nó có thể:*

- A. **Ngày càng gia tăng, không có điểm dừng**
- B. Chậm gia tăng và sẽ có điểm dừng nhất định
- C. Ngày càng gia tăng đến một giai đoạn nhất định
- D. Không gia tăng và không có điểm dừng

Câu 23. *Hiện nay trên thế giới, về an ninh phi truyền thống bởi xuất phát từ các góc độ nghiên cứu, chế độ chính trị, vị thế và tiềm lực kinh tế của từng nước, nên:*

- A. Chỉ khác nhau về vấn đề cụ thể của an ninh phi truyền thống
- B. Có quan niệm giống nhau về an ninh phi truyền thống
- C. Giống nhau từng vấn đề cụ thể của an ninh phi truyền thống
- D. **Vẫn có những quan niệm khác nhau về an ninh phi truyền thống**

Câu 24. *Những vấn đề được thể hiện trên nhiều lĩnh vực nhưng nằm ngoài vấn đề quân sự, trong bối cảnh liên kết quốc tế ngày càng phát triển đe dọa đến an ninh phi truyền thống, đó là:*

- A. **Cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu**
- B. Hợp tác quốc tế và trong từng khu vực
- C. Đoàn kết dân tộc, tôn giáo từng quốc gia
- D. Liên kết quốc tế và trong từng khu vực

Câu 25. *Thách thức và đe dọa từ an ninh phi truyền thống trên lĩnh vực kinh tế là:*

- A. An ninh xã hội
- B. **An ninh năng lượng**
- C. An ninh dân tộc
- D. An ninh tôn giáo

Câu 26. *Các thế lực thù địch lợi dụng các yếu tố từ an ninh phi truyền thống để:*

- A. Kết hợp tiến công quân sự với kinh tế
- B. Thực hiện kế hoạch can thiệp quân sự
- C. **Kích động gây rối, làm mất ổn định chính trị**
- D. Bạo loạn lật đổ và can thiệp vũ trang

Câu 27. *Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế toàn cầu hóa để đưa ra những yêu cầu, khuyến nghị trong các quan hệ nhằm hạn chế hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước là những thách thức đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực:*

- A. **Chính trị tinh thần**
- B. Văn hóa tinh thần
- C. Kinh tế xã hội
- D. Chính trị xã hội

Câu 28. *Thách thức và đe dọa từ an ninh phi truyền thống, chúng ta phải chịu tác động không nhỏ từ các luồng văn hóa, đạo đức, lối sống thực dụng, độc hại, không lành mạnh, làm lệch chuẩn:*

- A. Đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa
- B. Đường lối chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước
- C. Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh
- D. **Tư tưởng, phẩm chất, đạo đức lối sống của giới trẻ**

Câu 29. Những tác động từ các hiểm họa của an ninh phi truyền thống đã ảnh hưởng đến công tác xây dựng lực lượng, thể trận quốc phòng, các công trình phòng thủ quốc gia, là những thách thức, đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực:

- A. Quốc phòng toàn dân
- B. Quốc phòng, an ninh
- C. Quân sự, an ninh
- D. An ninh nhân dân

Câu 30. Những thách thức và đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh đã ảnh hưởng lớn đến:

- A. Vật lực phát triển quốc phòng, an ninh
- B. Nhân lực xây dựng quốc phòng, an ninh
- C. Nguồn lực phát triển quốc phòng, an ninh
- D. Tài lực mở rộng quốc phòng, an ninh

Câu 31. Nâng cao nhận thức về các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống đối với an ninh con người, an ninh cộng đồng, an ninh quốc gia và an ninh nhân loại là nghĩa vụ và trách nhiệm của:

- A. Mọi công dân
- B. Học sinh, sinh viên
- C. Lực lượng vũ trang
- D. Mọi tổ chức, lực lượng

Câu 32. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không những tác động đối với Việt Nam mà còn tác động đến:

- A. Toàn cầu
- B. Các nước nghèo
- C. Từng khu vực
- D. Những nước giàu

Câu 33. Một số mối đe dọa an ninh phi truyền thống, có khả năng chuyển hóa thành an ninh truyền thống như:

- A. Xung đột biên giới quốc gia
- B. Mâu thuẫn đối kháng giai cấp
- C. Xung đột chủ quyền lãnh thổ
- D. **Xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo**

Câu 34. Để quản trị và kiểm soát các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có hiệu quả, chúng ta phải:

- A. Phát huy sức mạnh đoàn kết quốc tế với lực lượng hòa bình thế giới
- B. Nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân
- C. **Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội**
- D. Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Câu 35. Phòng ngừa kiểm soát và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, chúng ta phải:

- A. **Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế**
- B. Giao lưu và tăng cường hợp tác kinh tế
- C. Mở rộng và tăng cường đối ngoại quốc tế
- D. Liên doanh và liên kết an ninh quốc tế

Câu 36. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong đó hợp tác về phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thông qua cơ chế và:

- A. Cách thức linh hoạt, nhiều tầng, nhiều lớp
- B. **Phương thức đa tầng, đa dạng và linh hoạt**
- C. Giải pháp linh hoạt, đơn phương và đa phương
- D. Phương thức linh động, đa dạng, phong phú

Câu 37. *Mục tiêu của an ninh quốc gia là:*

- A. Củng cố lòng tin của nhân dân, phát hiện, loại trừ các loại tệ nạn xã hội từ bên ngoài
- B. Xây dựng nền tảng tư tưởng vững chắc, phòng ngừa các loại tội phạm và tệ nạn xã hội
- C. Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường giữ vững trật tự an toàn xã hội
- D. **Củng cố nền tảng vững chắc bên trong, phòng ngừa sự tiến công xâm phạm từ bên ngoài**

Câu 38. *Đối tượng tác động của an ninh phi truyền thống là:*

- A. **Thế giới, quốc gia, con người**
- B. Dân tộc, khu vực, quốc gia
- C. Thế giới, con người, tôn giáo
- D. Tôn giáo, quốc gia, dân tộc

Câu 39. *Đối với nước ta, việc phối hợp quốc tế để giải quyết một số vấn đề về an ninh phi truyền thống đã được Đảng, Nhà nước:*

- A. Hết sức lo lắng, và quan tâm thực hiện
- B. Đang rất quan tâm và triển khai thực hiện
- C. **Hết sức quan tâm và thực hiện có hiệu quả**
- D. Ra sức quan tâm và quyết tâm thực hiện

Câu 40. *Chủ động tích cực phòng ngừa ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là một trong những:*

- A. Nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó đe dọa từ an ninh phi truyền thống
- B. Quan điểm phòng ngừa, ứng phó đe dọa từ an ninh phi truyền thống
- C. Nội dung phòng ngừa, ứng phó đe dọa từ an ninh phi truyền thống
- D. **Giải pháp phòng ngừa, ứng phó đe dọa từ an ninh phi truyền thống**